

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn giữa chị Tr và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chính;

Bà Phạm Thị Xuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tr, sinh năm 1987 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Nơi ở: Phố C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2024, bản tự khai ngày 21 tháng 5 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị Tr trình bày: Chị và anh Ngô Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 09/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi chửi nhau, năm 2021 anh T nghiện ma túy bị cơ quan có thẩm quyền bắt và ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 05/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Tp Hà Nội xử phạt 02 năm, 06

tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 27/02/2024 anh T chấp hành xong bản án trở về địa phương, nhưng vợ chồng chung sống thường cãi vã, không thể hòa hợp, chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh T được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Ngô Thành C, sinh ngày 24/11/2017 và cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 15/11/2019, hiện cháu C đang ở cùng anh T, cháu Q đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao mỗi người nuôi 01 con, chị tiếp tục nuôi cháu Q và anh T nuôi cháu C, giữa chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu anh T có nguyện vọng nuôi 02 con chị cũng đồng ý giao các con cho anh T nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T. Trường hợp anh T có ý kiến giao 2 con cho chị nuôi, chị nhất trí nuôi cả 02 con và đề nghị anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo quy định.

Bị đơn: Anh Ngô Văn T đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với chính quyền địa phương thể hiện: Anh Ngô Văn T là người địa phương có đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị Tr, người xã khác vào ngày 09/12/2015 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh T và chị Tr có 02 con chung là cháu Ngô Thành C, sinh ngày 24/11/2017 và cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 15/11/2019 đều do anh T đi khai sinh cho con tại xã N, hiện gia đình anh T có hộ khẩu thường trú tại: Xóm 2, xã N, huyện N. Nay chị Tr làm đơn xin ly hôn anh T với nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Vì theo quy định của pháp luật đương sự tự nộp đơn trực tiếp đến Tòa án mà không phải thông qua hòa giải cơ sở, do vậy địa phương không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Tr và anh Ngô Văn T.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Tiếp tục giao con chung là cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 15/11/2019 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Ngô Thành C, sinh ngày 24/11/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr và anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Chị Bùi Thị Tr phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Tr có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Ngô Văn T đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ, tại phiên tòa lần thứ 2 anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tr và anh Ngô Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 09/12/2015 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống chị Tr trình bày thời gian đầu bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T chơi bời, nghiện ma túy dẫn đến cãi chửi nhau. Năm 2022 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Tp Hà Nội xử phạt 02 năm, 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 27/02/2024 anh T chấp hành xong bản án trở về địa phương nhưng vợ chồng chung sống không hòa hợp, thường cãi vã. Chị Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án huyện N giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Ngô Văn T biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Tr với anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị Tr và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Ngô Văn T của chị Bùi Thị Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Tr và anh T có 02 con chung là cháu Ngô Thành C, sinh ngày 24/11/2017 và cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 15/11/2019, hiện cháu C đang ở với anh T và cháu Q đang ở với chị Tr.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết giao mỗi người nuôi 01 con, chị tiếp tục nuôi cháu Q, anh T tiếp tục nuôi cháu C giữa chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án thấy ý kiến đề nghị của chị Tr là phù hợp, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao cháu Ngô Anh Q cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và

giao cháu Ngô Thành C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tr và anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến gì về việc phân chia tài sản chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Tr và anh Ngô Văn T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Tiếp tục giao các con chung là cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 15/11/2019 cho chị Bùi Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Ngô Thành C, sinh ngày 24/11/2017 cho anh Ngô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tr và anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Bùi Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Tr đã nộp theo biên lai số 0005049, ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu HS.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh